

TỜ TRÌNH

Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017)

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 06 tháng cuối năm 2021, văn bản số 7988/BGTVT-KCHT ngày 05/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận Đề cương dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (sau đây gọi tắt là Thông tư), Cục Hàng hải Việt Nam xin báo cáo kết quả thực hiện và trình dự thảo Thông tư như sau:

1. Sự cần thiết xây dựng Thông tư.

Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải và Thông tư số 07/2019/TT-BGTVT ngày 14/02/2019 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT được xây dựng theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Ngày 26/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và có hiệu lực từ ngày 26/01/2021 thay thế Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015. Tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định một số nội dung về quan trắc, đánh giá an toàn công trình chuyên ngành...

Ngày 05/8/2021, Bộ Giao thông vận tải đã chấp thuận Đề cương dự thảo Thông tư tại văn bản số 7988/BGTVT-KCHT.

Vì vậy, việc xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải) là cần thiết.

2. Quá trình xây dựng dự thảo Thông tư

Cục Hàng hải Việt Nam đã thực hiện các công việc như sau:

- Thành lập Tổ soạn thảo xây dựng Thông tư (Quyết định số 1089/QĐ-CHHVN ngày 12/8/2021 của Cục HHVN);

- Trình Bộ Giao thông vận tải đề cương Thông tư (văn bản số 2935/CHHVN-KCHTHH ngày 23/7/2021) và được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận tại văn bản số 7988/BGTVT-KCHT ngày 05/8/2021;

- Xây dựng dự thảo Thông tư; lấy ý kiến của các đơn vị liên quan; tổ chức họp và tổng hợp, tiếp thu ý kiến hoàn chỉnh dự thảo Thông tư để trình Bộ Giao thông vận tải.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư, Cục Hàng hải Việt Nam luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về hình thức, trình tự, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan khác; đồng thời tiến hành rà soát, đối chiếu các quy định của pháp luật liên quan nhằm tránh sự chồng chéo, trùng lặp, mâu thuẫn với quy định trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật. Việc ban hành Thông tư bảo đảm phù hợp với hoạt động thực tế.

3. Tên, kết cấu và nội dung dự thảo Thông tư

a) Tên Thông tư.

Tên Thông tư đã được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận tại văn bản số 7988/BGTVT-KCHT ngày 05/8/2021: Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải.

b) Kết cấu dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 03 Chương, 15 Điều và Phụ lục kèm theo, quy định cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng hải

Điều 4. Nội dung bảo trì công trình công trình hàng hải

Điều 5. Trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải

Điều 6. Nguồn kinh phí bảo trì công trình hàng hải

Chương II. Bảo trì công trình hàng hải

Điều 7. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý

Điều 8. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân khác quản lý

Điều 9. Quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng

Điều 10. Đánh giá an toàn công trình hàng hải

Điều 11. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình hàng hải

Điều 12. Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải

Điều 13. Báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải

Chương III. Điều khoản thi hành

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Điều 15. Tổ chức thực hiện

c) Một số nội dung chính của dự thảo Thông tư

- Phạm vi điều chỉnh: Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải. Đối với công trình hàng hải phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thì thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Đối tượng áp dụng: Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo trì công trình hàng hải trên lãnh thổ Việt Nam;

- Quy định về trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng hải;

- Quy định về nội dung bảo trì công trình hàng hải;

- Quy định về trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải;

- Quy định về quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng;

- Quy định về đánh giá an toàn công trình hàng hải.

- Quy định về kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải.

- Quy định về báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải

4. Hồ sơ kèm theo Tờ trình dự thảo Thông tư

- Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải;

- Báo cáo đánh giá tác động.

Cục Hàng hải Việt Nam kính trình Bộ Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Phòng: KHĐT, TC, KHCNMT, PC;
- Lưu: VT, KCHTHH_(3b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Đình Việt

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

**Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải
(thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017)**

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

I. Khái quát chung

Hoạt động bảo trì công trình hàng hải hiện nay được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải, Thông tư số 07/2019/TT-BGTVT ngày 14/02/2019 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT.

Ngày 26/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thay thế Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 06 tháng cuối năm 2021, văn bản số 7988/BGTVT-KCHT ngày 05/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận Đề cương dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017), Cục Hàng hải Việt Nam đã chủ trì tiến hành xây dựng chi tiết dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017). Việc xây dựng Dự thảo Thông tư có tác động đối với hoạt động bảo trì công trình hàng hải nói chung và công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Thông tư

- Phạm vi điều chỉnh: Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải. Đối với công trình hàng hải phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thì thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

- Đối tượng áp dụng: Thông tư áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo trì công trình hàng hải trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Nội dung Thông tư

- Chương I. Quy định chung gồm 6 Điều: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng

áp dụng; Giải thích từ ngữ; Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng hải; Nội dung bảo trì công trình hàng hải; Trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải; Nguồn kinh phí bảo trì công trình hàng hải.

- Chương II. Bảo trì công trình hàng hải gồm 7 Điều: Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý; Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân khác quản lý; Quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng; Đánh giá an toàn công trình hàng hải; Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình hàng hải; Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải; Báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải.

- Chương III. Điều khoản thi hành gồm 2 Điều: Hiệu lực thi hành và Tổ chức thực hiện.

II. Đánh giá việc thực hiện các quy định về bảo trì công trình hàng hải

1. Vấn đề cần giải quyết

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ: Khoản 6 Điều 33 "Bộ xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định về danh mục các công trình bắt buộc phải quan trắc trong quá trình khai thác sử dụng"; Khoản 3 Điều 36 "Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm: a) Ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy trình đánh giá an toàn công trình; b) Công bố các tổ chức kiểm định đủ điều kiện năng lực thực hiện đánh giá an toàn công trình xây dựng chuyên ngành; c) Quy định danh mục các công trình phải được cơ quan quy định tại Khoản 4 Điều 39 Nghị định này xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình; Điểm a, Khoản 2, Điều 52 "Các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác thực hiện quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này đối với công trình chuyên ngành; hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng áp dụng cho các công trình xây dựng chuyên ngành".

- Thực hiện nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 1214/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc điều chỉnh, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 06 tháng cuối năm 2021 về xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải).

- Quy định chi tiết một số nội dung về bảo trì công trình hàng hải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về bảo trì công trình xây dựng.

2. Mục tiêu chính sách dự kiến

- Quy định rõ về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Thông tư.

- Quy định về một số vấn đề chung về bảo trì công trình hàng hải: Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng hải, nội dung bảo trì công trình hàng hải, trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải, chi phí bảo trì công trình hàng hải.

- Quy định chi tiết về việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

- Quy định chi tiết về việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân khác quản lý.

- Quy định chi tiết về quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Quy định chi tiết về đánh giá an toàn công trình hàng hải.

- Quy định chi tiết về quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình hàng hải.

- Quy định chi tiết về việc kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải.

- Quy định chi tiết về báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải.

III. Đánh giá tác động của Thông tư

1. Tác động về kinh tế

- Để thống nhất trong quản lý nhà nước về bảo trì công trình hàng hải, tạo sự bình đẳng trong nền kinh tế thị trường phát triển.

- Quy định về nội dung, trình tự và trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải nói chung và quy trình lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải nói riêng giúp đảm bảo tiến độ bảo trì công trình hàng hải, tiết kiệm chi phí cho tổ chức, cá nhân.

- Xây dựng các quy định công khai, minh bạch trong công tác bảo trì công trình hàng hải nhằm tăng cường quản lý, bảo đảm quyền chủ động của các tổ chức, cá nhân trong bảo trì công trình hàng hải.

2. Tác động đến các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

Việc quy định cụ thể, chi tiết trách nhiệm, trình tự, nội dung thực hiện của các chủ thể trong bảo trì công trình hàng hải giúp các tổ chức, cá nhân nắm rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải, việc tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm bảo đảm công trình hàng hải được bảo trì nghiêm túc trên thực tế.

3. Khả năng tuân thủ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các tác động khác

Việc xây dựng Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017) là cơ sở pháp lý quan trọng để Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan hiểu rõ trình tự; nội dung thực hiện bảo trì công trình hàng hải cũng

như trách nhiệm của các chủ thể trong bảo trì công trình hàng hải; hướng dẫn cụ thể việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải; quan trắc, đánh giá an toàn, quản lý chất lượng và kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải và việc thực hiện báo cáo bảo trì công trình hàng hải.

Đồng thời giải quyết những vấn đề còn lúng túng, vướng mắc trong quá trình thực hiện bảo trì công trình hàng hải thực hiện theo Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT. Hơn nữa, cơ sở pháp lý của Thông tư này (Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng) đã hết hiệu lực dẫn đến việc áp dụng Thông tư 52/2017/TT-BGTVT trên thực tế không còn phù hợp. Việc ban hành Thông tư thay thế là hành lang pháp lý cần thiết để tổ chức, cá nhân áp dụng pháp luật thống nhất về bảo trì công trình hàng hải.

Thông tư cũng là văn bản pháp lý thật sự cần thiết đối với ngành Hàng hải nói chung và lĩnh vực bảo trì hàng hải nói riêng.

Dự kiến, khi Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017) sẽ hoàn thiện hơn khung pháp lý cho việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải.

IV. Lấy ý kiến

Trong quá trình xây dựng dự thảo, Cơ quan chủ trì xây dựng, Tổ soạn thảo cũng đã triển khai nhiều phương pháp lấy ý kiến (qua cuộc họp, qua văn bản, qua trao đổi trực tiếp) các đối tượng quản lý và đối tượng chịu tác động trực tiếp nhằm mục đích xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với thực tế và có tính khả thi cao khi được ban hành.

Trên đây là báo cáo của Cục Hàng hải Việt Nam về việc đánh giá tác động Dự thảo Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải (thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải).

Kính báo cáo./.

DỰ THẢO

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2022/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định về bảo trì công trình hàng hải

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về bảo trì công trình hàng hải.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về bảo trì công trình hàng hải. Đối với công trình hàng hải phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thì thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo trì công trình hàng hải trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Công trình hàng hải bao gồm: bến cảng; cầu cảng; bến phà; âu tàu; công trình sửa chữa tàu biển (bến, ụ, triền, đà, sàn nâng,...); luồng hàng hải; các khu vực, các công trình neo đậu; công trình chỉnh trị (đê chắn sóng/chắn cát, kè hướng dòng/bảo vệ bờ); hệ thống phao, tiêu báo hiệu hàng hải (bao gồm trạm quản lý vận hành phao, tiêu báo hiệu); đèn biển (bao gồm nhà trạm gắn với đèn biển); đăng tiêu; hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS) và các công trình hàng hải khác.

Điều 3. Trình tự thực hiện bảo trì công trình hàng hải

1. Lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình hàng hải.
2. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải.
3. Thực hiện bảo trì và quản lý chất lượng công việc bảo trì.
4. Đánh giá an toàn công trình hàng hải.
5. Lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình hàng hải.

Điều 4. Nội dung bảo trì công trình công trình hàng hải

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình hàng hải tự tổ chức thực hiện việc kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa công trình theo quy trình bảo trì công trình được phê duyệt nếu đủ điều kiện năng lực hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

2. Kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình.

3. Bảo dưỡng công trình được thực hiện theo kế hoạch, dự toán kinh phí bảo trì hàng năm và quy trình bảo trì công trình được phê duyệt.

4. Sửa chữa công trình bao gồm:

a) Sửa chữa định kỳ công trình bao gồm sửa chữa hư hỏng hoặc thay thế bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình bị hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì;

b) Sửa chữa đột xuất công trình được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

5. Kiểm định chất lượng công trình phục vụ công tác bảo trì được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Kiểm định định kỳ theo quy trình bảo trì công trình đã được phê duyệt;

b) Khi phát hiện thấy công trình, bộ phận công trình có hư hỏng hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng;

c) Khi có yêu cầu đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình phục vụ cho việc lập quy trình bảo trì đối với những công trình đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì;

d) Khi cần có cơ sở để quyết định việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình đối với các công trình đã hết tuổi thọ thiết kế hoặc làm cơ sở cho việc cải tạo, nâng cấp công trình;

đ) Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Quan trắc công trình phục vụ công tác bảo trì phải được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Các công trình quan trọng quốc gia, công trình khi xảy ra sự cố có thể dẫn tới thảm họa;

b) Công trình có dấu hiệu lún, nghiêng, nứt và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ công trình;

c) Theo yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng.

Điều 5. Trách nhiệm bảo trì công trình hàng hải

1. Đối với công trình hàng hải có một chủ sở hữu:

a) Đối với công trình hàng hải thuộc sở hữu nhà nước: người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình;

b) Đối với công trình hàng hải đầu tư theo hình thức đối tác công tư: nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian sử dụng, khai thác công trình theo hợp đồng dự án; hết thời gian sử dụng, khai thác công trình theo hợp đồng dự án, người được giao tiếp nhận quản lý, sử dụng, khai thác công trình từ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có trách nhiệm tiếp tục bảo trì công trình;

c) Đối với công trình hàng hải thuộc sở hữu khác, không quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình.

2. Đối với công trình hàng hải có nhiều chủ sở hữu: ngoài việc chịu trách nhiệm bảo trì phần công trình thuộc sở hữu riêng của mình, các chủ sở hữu có trách nhiệm bảo trì cả phần công trình thuộc sở hữu chung. Việc phân định trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc do các chủ sở hữu công trình thỏa thuận cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng mua bán, thuê mua tài sản.

3. Đối với các công trình chưa bàn giao được cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm bảo trì công trình.

4. Đối với công trình chưa xác định chủ sở hữu thì người đang quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình.

5. Chủ sở hữu khi cho tổ chức, cá nhân thuê khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác công trình hàng hải hoặc ủy quyền quản lý, sử dụng công trình hàng hải phải có nội dung thỏa thuận về trách nhiệm bảo trì công trình.

Điều 6. Nguồn kinh phí bảo trì công trình hàng hải

Căn cứ hình thức sở hữu và quản lý sử dụng công trình thì chi phí cho công tác bảo trì được hình thành từ một nguồn vốn hoặc kết hợp một số các nguồn vốn sau: vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên, nguồn thu phí cảng vụ hàng hải được giao theo dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm, nguồn thu từ việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng; nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Điều 7. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, khai thác, sử dụng lập kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm (hoặc kế hoạch bảo trì theo kỳ kế hoạch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền) trên cơ sở quy trình bảo trì công trình hàng hải được phê duyệt và hiện trạng công trình hàng hải.

2. Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm tổng hợp, lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải hàng năm hoặc theo kỳ kế hoạch, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

3. Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải phải dựa trên việc tổng hợp và thẩm định các số liệu, báo cáo, đề xuất từ đơn vị cơ sở, phản ánh đúng các yêu cầu thực tế và hiện trạng công trình hàng hải, phù hợp với quy trình bảo trì công trình hàng hải theo nội dung công việc bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ (nạo vét duy tu đối với luồng hàng hải, khu neo đậu).

4. Nội dung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải bao gồm các thông tin cơ bản sau: tên công trình và hạng mục công trình (công việc) thực hiện; đơn vị, khối lượng, chi phí thực hiện; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên. Đối với các công trình, hạng mục công trình thuộc mức độ ưu tiên 1 (rất cần thiết): phải có thuyết minh. Đối với công tác sửa chữa đột xuất, nội dung kế hoạch bảo trì chỉ ghi dự phòng chi phí thực hiện. Kế hoạch bảo trì theo Mẫu số 01 Phụ lục I Thông tư này.

5. Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm hoặc theo kỳ kế hoạch bao gồm:

- a) Công tác bảo dưỡng công trình;
- b) Công tác sửa chữa định kỳ;
- c) Công tác sửa chữa đột xuất.

6. Trình tự phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm:

a) Người quản lý, khai thác, sử dụng lập kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm và gửi Cục Hàng hải Việt Nam trước ngày 30 tháng 5 hàng năm;

b) Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 15 tháng 6 hàng năm;

c) Bộ Giao thông vận tải thẩm định, chấp thuận kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải trước ngày 15 tháng 7 hàng năm; tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải vào dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 8 hàng năm;

d) Trên cơ sở Quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải thông báo dự toán chi ngân sách nhà nước gửi Cục Hàng hải Việt Nam và người quản lý, khai thác, sử dụng;

đ) Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức rà soát hạng mục và khối lượng công trình cấp thiết phải làm; chịu trách nhiệm về lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải, trình Bộ Giao thông vận tải chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo quy định tại điểm d khoản này;

e) Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí bảo trì công trình hàng hải và tổng hợp, giao dự toán chi ngân sách cho Cục Hàng hải Việt Nam chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của Cục Hàng hải Việt Nam.

7. Trình tự phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải theo kỳ kế hoạch khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền:

a) Người quản lý, khai thác, sử dụng lập kế hoạch bảo trì công trình hàng hải theo kỳ kế hoạch gửi Cục Hàng hải Việt Nam;

b) Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp, lập kế hoạch và dự kiến kinh phí bảo trì công trình hàng hải, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

8. Việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh thông số kỹ thuật, khối lượng thực hiện bảo trì công trình hàng hải phù hợp với kinh phí trong kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng hàng hải được phê duyệt; báo cáo Bộ Giao thông vận tải trường hợp tăng kinh phí bảo trì công trình đã được duyệt.

b) Đối với công trình, hạng mục công trình phát sinh nguy cơ sự cố hoặc xảy ra sự cố nguy hiểm, công trình mất an toàn phải xử lý khẩn cấp hoặc điều chỉnh cục bộ hạng mục công trình, Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục cần thiết để khắc phục và báo cáo Bộ Giao thông vận tải điều chỉnh kế hoạch bảo trì;

c) Đối với công trình, hạng mục công trình, kinh phí thực hiện phát sinh ngoài kế hoạch được duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận trước khi thực hiện.

9. Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải hàng năm được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt là căn cứ để Cục Hàng hải Việt Nam và người quản lý, khai thác sử dụng triển khai thực hiện.

10. Đối với công trình hàng hải đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thì doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành hàng hải và pháp luật có liên quan.

11. Đối với công trình Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS):

a) Cảng vụ hàng hải tổ chức lập dự toán bảo trì Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS) hàng năm và gửi Cục Hàng hải Việt Nam trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

b) Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí bảo trì Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS) và tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để thẩm định, giao nguồn vốn thực hiện từ nguồn thu phí cảng vụ hàng hải được giao theo dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm.

c) Trên cơ sở Quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước của Bộ Giao thông vận tải, Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm tổ chức thực hiện bảo trì Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS) hàng năm theo quy định.

d) Việc lập, phê duyệt dự toán và thực hiện bảo trì Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS) thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 8. Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải do các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân khác quản lý

1. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập, phê duyệt và thực hiện bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) và Điều 4 Thông tư này.

2. Sau khi phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại khoản 1 Điều này, chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình gửi Cục Hàng hải Việt Nam văn bản phê duyệt và kế hoạch bảo trì công trình hàng hải để tổng hợp, quản lý.

Điều 9. Quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng

1. Các công trình hàng hải phải quan trắc trong quá trình khai thác, sử dụng được quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

2. Việc quan trắc đối với các công trình quy định tại khoản 1 Điều này được quy định trong quy trình bảo trì công trình hàng hải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Đối tượng quan trắc: các kết cấu chịu lực chính của công trình;

b) Thông số quan trắc (ví dụ: biến dạng nghiêng, lún, nứt, võng, ...) và giá trị giới hạn của các thông số này; thời gian, phương pháp quan trắc; chu kỳ đo và các nội dung cần thiết khác.

3. Yêu cầu chung đối với công tác quan trắc công trình hàng hải trong quá trình khai thác, sử dụng:

a) Nhà thầu quan trắc lập đề cương quan trắc phù hợp với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này trình chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình chấp thuận;

b) Nhà thầu quan trắc thực hiện quan trắc theo đề cương quan trắc đã được chấp thuận. Các số liệu quan trắc phải được phân tích, đánh giá; kết quả quan trắc phải được so sánh với giá trị giới hạn thiết kế cho phép và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng có liên quan.

Trường hợp số liệu quan trắc vượt quá giá trị giới hạn thiết kế cho phép hoặc có dấu hiệu bất thường thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải tổ chức kiểm định, đánh giá nguyên nhân và có biện pháp khắc phục, xử lý kịp thời.

Điều 10. Đánh giá an toàn công trình hàng hải

1. Tổ chức đủ điều kiện thực hiện đánh giá an toàn công trình hàng hải là tổ chức kiểm định đáp ứng điều kiện năng lực theo quy định tại khoản 1 Điều 97 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP). Phạm vi hoạt động của tổ chức này được thực hiện như đối với tổ chức kiểm định quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2. Việc đánh giá an toàn công trình hàng hải được thực hiện theo quy định của Nghị định 06/2021/NĐ-CP và quy định liên quan.

3. Thời điểm và tần suất đánh giá an toàn công trình hàng hải theo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá an toàn công trình do Bộ Giao thông vận tải ban hành.

4. Danh mục các công trình phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét và thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình được quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

5. Sau khi nhận được báo cáo kết quả đánh giá an toàn công trình, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 39 Nghị định 06/2021/NĐ-CP có trách nhiệm:

a) Kiểm tra điều kiện năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đánh giá an toàn công trình;

b) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đánh giá an toàn công trình bao gồm: việc áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy trình đánh giá an toàn công trình; nội dung, trình tự, đối tượng, thời điểm đánh giá an toàn công trình; kết quả thực hiện đánh giá an toàn công trình và quy định khác có liên quan (nếu có);

c) Thông báo ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình hàng hải

Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình chịu trách nhiệm thực hiện việc quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình hàng hải theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải

Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất và tổ chức kiểm tra sự tuân thủ các quy định về bảo trì công trình hàng hải của Nghị định 06/2021/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 13. Báo cáo việc thực hiện bảo trì công trình hàng hải

Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam về kết quả thực hiện bảo trì công trình hàng hải và đánh giá an toàn công trình hàng hải. Cục Hàng hải Việt Nam tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: Báo cáo thực hiện bảo trì và đánh giá an toàn công trình hàng hải;

b) Nội dung yêu cầu báo cáo: Tên công việc thực hiện, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, khối lượng thực hiện, nguồn kinh phí thực hiện, chi phí thực hiện (đối với nguồn vốn NSNN), mức độ hoàn thành

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử và được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, gửi qua hệ thống phần mềm, các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 17 tháng 12 hàng năm, các chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình gửi báo cáo về Cục Hàng hải Việt Nam.

Trước ngày 22 tháng 12 hàng năm, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục I Thông tư này

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải và Thông tư số 07/2019/TT-BGTVT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải.

2. Bãi bỏ Điều 2 Thông tư số 34/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực hàng hải.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Các Sở Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT (02).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

PHỤ LỤC I
DANH MỤC MỘT SỐ MẪU TỔNG HỢP, BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022//TT-BGTVT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu số 1

Bảng tổng hợp kế hoạch quản lý, bảo trì công trình hàng hải năm

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Chuẩn tắc nạo vét	Khối lượng	Dự toán Kinh phí	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Mức độ ưu tiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1									
2									
								
	Tổng cộng								

Ghi chú:

- Cột số 4: Áp dụng đối với công tác bảo trì luồng hàng hải;
- Cột số 8: Ghi mức độ ưu tiên 1 (rất cần thiết); 2 (cần thiết).

Mẫu số 2

Báo cáo thực hiện bảo trì và đánh giá an toàn công trình hàng hải năm.....

TT	Tên công việc	Đơn vị	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Khối lượng thực hiện	Nguồn kinh phí thực hiện	Chi phí thực hiện	Mức độ hoàn thành (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú: Cột số 8: chỉ báo cáo nếu sử dụng nguồn vốn Ngân sách nhà nước

PHỤ LỤC II
CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI PHẢI QUAN TRẮC
TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC SỬ DỤNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGTVT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Loại công trình	Cấp công trình
1	Công trình bến cảng biển	
1.1	Bến cảng hàng hóa, công vụ	Cấp I trở lên
1.2	Bến cảng hành khách	Không phân biệt cấp công trình
2	Cơ sở sửa chữa tàu biển, phương tiện thủy; âu tàu biển, ụ tàu biển và các công trình nâng hạ tàu biển khác (triền, đà, sàn nâng...)	Cấp I trở lên
3	Công trình chỉnh trị, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ	Cấp I trở lên

Ghi chú:

- Cấp công trình xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

- Đối với bến cảng khai thác hàng hóa và hành khách thì thực hiện như Bến cảng hành khách

PHỤ LỤC III
DANH MỤC CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI PHẢI ĐƯỢC CƠ QUAN
CÓ THẨM QUYỀN XEM XÉT VÀ THÔNG BÁO Ý KIẾN
VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN CÔNG TRÌNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGTVT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Loại công trình	Cấp công trình
1	Công trình bến cảng biển	
1.1	Bến cảng hàng hóa, công vụ	Cấp I trở lên
1.2	Bến cảng hành khách	Không phân biệt cấp công trình
2	Cơ sở sửa chữa tàu biển, phương tiện thủy; âu tàu biển, ụ tàu biển và các công trình nâng hạ tàu biển khác (triền, đà, sàn nâng...)	Cấp I trở lên
3	Công trình chỉnh trị, đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ	Cấp I trở lên

Ghi chú:

- Cấp công trình xác định theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.
- Đối với bến cảng khai thác hàng hóa và hành khách thì thực hiện như Bến cảng hành khách